

Bản án: 53/2025/DS-PT

Ngày: 21-3-2025

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp về lối đi chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán tham gia: Ông Dương Hà Ngân và ông Nguyễn Thế Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp về lối đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Khổng K và bà Phan Thị Q; Địa chỉ: Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị L (có mặt); Địa chỉ: Thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Văn T: Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị D; Địa chỉ: Thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

+ Ông Đào Văn B; Địa chỉ: Số B H, TT N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu – vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Ông Triệu Văn B1; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ' D, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt;

2. Ông Trần Văn Y; Địa chỉ: Thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông –

vắng mặt;

3. Bà Võ Thị T1; Địa chỉ: Tổ F, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt;

4. Ông Trần Văn T2; Địa chỉ: Thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt;

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Không K và bà Phan Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông K, bà Q trình bày: Năm 2017 vợ chồng ông K, bà Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) đất của ông T, bà L; khi nhận chuyển nhượng QSD đất của ông T, bà L thì ông K, bà Q cũng đã được ông T, bà L chỉ rõ ranh giới thửa đất; khi cơ quan chuyên môn vào đo có cả vợ chồng ông K, bà Q và vợ chồng ông T, bà L ra chỉ ngoài thực địa; đến ngày 21/3/2017 thì vợ chồng ông K, bà Q được cấp GCN QSD đất theo số CN 374731 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ theo thửa đất số 113 tờ bản đồ số 86 diện tích là 11.224 m² tọa lạc tại thôn I, xã N' J, huyện Đ.

Ngay sau khi nhận chuyển nhượng QSD đất thì ông K, bà Q canh tác, sử dụng mảnh đất này liên tục, nhưng từ tháng 10 năm 2022 ông T, bà L lại kêu người vào đo sang cả phần đất của gia đình ông K, bà Q; được thể hiện theo diện tích đất lấn chiếm là 160 m². Ông bà đã làm đơn kiến nghị và U không thành nên ông K, bà Q làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T, bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm là 160 m² nằm trong một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ số 86 theo GCNQSD đất số CN 374731 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ

Diện tích đất ông T, bà L lấn chiếm có các cạnh: Phía Đông giáp đất ông K, bà Q rộng khoảng 3 mét; Phía Tây giáp đất ông T, bà L khoảng 13 mét; Phía Nam giáp đất ông K, bà Q khoảng 20 mét; Phía Bắc giáp đường đất khoảng 20 mét;

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì ông K, bà Q không đồng ý nhưng không yêu cầu đo đạc lại.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T, bà L yêu cầu ông K, bà Q trả lại diện tích lối đi chung với diện tích là 110,2 m² thì ông K, bà Q không đồng ý; ông K, bà Q không lấn chiếm con đường là lối đi chung nên không đồng ý với yêu cầu này của ông T bà L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L và người được ủy quyền trình bày: Năm 2017 vợ chồng ông T, bà L chuyển nhượng QSD đất cho ông K, bà Q với diện tích là 11224 m² và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GCN QSD đất theo thửa đất số 113 tờ bản đồ 86 mang tên ông K, bà Q. Khi chuyển nhượng QSD đất thì hai bên có đi chỉ ranh giới đất cho nhau rất cụ thể. Từ khi ông T, bà L chuyển nhượng cho ông K, bà Q thì hai bên sử dụng ranh giới thửa đất này rất bình thường, không hề có tranh chấp với ai; ông K, bà Q cũng đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông T bà L. Khi chuyển nhượng QSD đất cho ông K, bà Q thì có con đường ngang là 06 mét và chiều sâu khoảng 50 mét hai bên cùng thống nhất với nhau là con đường này để làm lối đi chung xuống rẫy với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Q thì ông T, bà L không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông K, bà Q trả lại diện tích đất lối đi chung đã được thể hiện trên bản đồ và theo kết quả lồng ghép của Chi nhánh VPĐK ĐĐ Đắk Song ngày 07/6/2024 có diện tích là 110, 2 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị D trình bày: Khi ông bà nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Phạm Thị C1 vào năm 2023 hai thửa đất số 40, 41 tờ bản đồ số 86 với diện tích lần lượt là 1167,1 m² và 1095,8 m². Khi nhận chuyển nhượng QSD đất này thì ông C, bà D đã được người chuyển nhượng chỉ mốc ranh tứ cận nên ông C, bà D sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Căn cứ vào kết quả đo đạc Tòa án đã công khai thể hiện một phần diện tích đất tranh chấp giữa ông K, bà Q với ông T, bà L nằm trong một phần GCN QSD đất của ông C, bà D nhưng ông C, bà D vẫn đang sử dụng đất từ mép đường vào sâu hết đất (do chủ sử dụng đất chỉ cho trước đó và từ mép đường vào, đường này mở năm nào chúng tôi không biết). Ông C, bà D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn B trình bày: Năm 2022 ông B nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Nguyễn Lương T3 theo thửa đất số 23 tờ bản đồ số 86 với diện tích là 13.359, 9 m² đất tọa lạc tại thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khi nhận chuyển nhượng thì đã được chỉ ranh giới ngoài thực địa và có đường đi vào rẫy. Sự việc tranh chấp này ông Bằng không hề hay biết, ông B chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và con đường như đã được thể hiện trên tờ bản đồ.

Những người làm chứng:

Ông Trần Văn T2 trình bày: Ông là hàng xóm của các đương sự nêu trên, vào năm 2021 ông được cơ quan có thẩm quyền cấp GCN QSD đất theo thửa đất số 23 tờ bản đồ số 86 với diện tích là 13.359 m². Nguồn gốc diện tích đất này là nhận chuyển nhượng năm 2018, sau đó ông T2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Lương T3 (ông T3 chuyển nhượng lại cho ông B). Trước đây, ông B canh tác diện tích đất này thì có con đường đất rộng khoảng 3 mét (Hiện nay người dân đã tự mở rộng khoản 6 mét); Diện tích đất qua con đường đất là đến phần đất của các hộ dân sử dụng trước đó. Hiện diện tích đất đã chuyển nhượng cho người khác nên không có ý kiến gì về việc các đương sự tranh chấp với nhau.

Ông Trần Văn Y trình bày: Không có quan hệ gì với các đương sự trong vụ án này. Năm 2012 ông Y chuyển nhượng QSD đất cho ông T, bà L. Khi chuyển nhượng đất này cho ông T, bà L thì do điều kiện khó khăn nên chưa liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp GCNQSD đất. Khi chuyển nhượng đất này cho ông T, bà L thì có đường đất chiều ngang rộng khoảng 3 mét. Ông Y chuyển nhượng diện tích đất này cũng đã lâu nên không biết hiện nay vị trí con đường này như thế nào.

Bà Võ Thị T1 trình bày: Bà T1 có quan hệ họ hàng với ông Khổng K và bà Phan Thị Q. Còn đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L thì không có quan hệ họ hàng gì. Khi các bên thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất

(giấy sang nhượng đất rẫy viết tay) ghi ngày 29/4/2017 với nhau thì bà T1 có mặt ở đó và chứng kiến việc các bên thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng QSD đất. Phía ông Tiến, bà L chuyển nhượng QSD đất cho bà K, bà Q với diện tích đất khoảng 1,2ha đất khi đó đã có GCN QSD đất (sổ đỏ) mang tên ông T, bà L. Ông T, bà L cam kết đất không tranh chấp và thống nhất để lối đi chung là 6 m (chiều rộng) từ đường dưới xóm lên (đường đi chung từ sinh lên với chiều rộng là 6 m); ghi đường trên sổ giáp đất nhà bà T4 rộng 3,5 mét; chứng kiến việc ông K đưa số tiền là 500.000.000 đồng cho ông T, bà L ngày 29/4/2017. Con đường từ khi ông K nhận chuyển nhượng cho đến nay không có sự thay đổi, con đường này được người dân mở rộng ra chứ không có sự thay đổi về vị trí.

Ông Triệu Văn B1 trình bày: Diện tích đất ông T, bà L chuyển nhượng cho ông K, bà Q khoảng 1,2ha có từ cận cụ thể như sau: Hướng giáp đất ông bà Tiến L1; Hướng giáp đất ông bà Chính Đ; Hướng giáp suối; Hướng giáp đường đất; Hướng giáp đường như hiện nay (từ khi mua đến giờ chỉ có con đường này) không có sự thay đổi nào.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc của CN VPĐK ĐĐ Đắc Song đo đạc lồng ghép ngày 24/01/2024 thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa ông Khổng K, bà Phan Thị Q với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L thể hiện diện tích đất tranh chấp là 238,8 m²; có 123, 8 m² nằm trong GCN QSD đất theo thửa đất số 40,41 tờ bản đồ số 86 đứng tên ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị D và thửa đất số 23 tờ bản đồ số 89 đứng tên ông Đào Văn B và 115 m² nằm trong diện tích đất đường đi chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T, bà L đã làm đơn phản tố yêu cầu ông K, bà Q trả lại diện tích đất là lối đi chung, Tòa án đã thụ lý và ban hành công văn kèm theo gửi CNVPĐK ĐĐ Đắc Song lồng ghép theo kết quả đo đạc ngày 24/01/2024 thì được CNVPĐK ĐĐ Đắc Song trả lời ngày 07/6/2024 thể hiện: Diện tích đất còn đường lối đi chung hiện ông K, bà Q đang sử dụng là 110,1 m² được đánh dấu theo các điểm A,B,C,D.

Tại bản án số 56/2024/DS-ST ngày 18-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 143; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, 167,168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng K và bà Phan Thị Q.
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Khổng K và bà Phan Thị Q trả lại diện tích đất lấn chiếm con đường lối đi chung là 110,1 m² có tứ cận cụ thể như sau:

Hướng Đông được đánh dấu từ điểm B đến điểm C (phần đất ông K, bà Q sử dụng) dài 29 mét;

Hướng Tây giáp đánh dấu từ điểm D đến điểm A (giáp ranh giới ông K, bà Q được cấp GCN QSD đất theo thửa 113) dài 37,77 m²;

Hướng Bắc được đánh từ điểm A đến điểm B rộng 3,22 mét;

Hướng Nam được đánh dấu từ điểm C đến điểm D rộng 9,54 mét.

Tọa lạc tại thôn I, xã N' J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Buộc ông Không K và bà Phan Thị Q tháo dỡ, di dời lưới B40 mà ông K, bà Q để nằm ngang trên lối đi chung.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh VPKDD Đắk Song ngày 07/6/2024)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX xem xét lại bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận phần tố của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Không K và bà Phan Thị Q làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2017, nguyên đơn nhận chuyển nhượng của bị đơn, diện tích đất 11.224 m², được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSD đất số CN 374731, thửa đất số 113, tờ bản đồ 96 tại thôn I, xã N'jang, huyện Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng nguyên đơn sử dụng đến năm 2022 thì phát sinh tranh chấp. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp 160 m² có tứ cận: Đông giáp đất ông K rộng 03m, Tây giáp đất ông K khoảng 13m, Nam giáp đất ông K khoảng 20m, Bắc giáp đường đất khoảng 20m, là một phần diện tích đất của nguyên đơn khi nhận chuyển nhượng bị đơn đã chỉ ranh giới trên thực tế và đã được làm thủ tục sang tên GCNQSD đất theo quy định pháp luật.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả lại lối đi chung có diện tích là 110,1 m² có vị trí, tứ cận theo kết quả đo đạc.

[2.3]. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện, diện tích đất bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn là thửa 113 có con đường đi vào diện tích đất còn lại của bị đơn và có chồng lên diện tích đất thuộc thửa đất số 40, 41 tờ bản đồ số 86 đứng tên ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị D. Do vậy, lẽ ra khi giải quyết vụ án trên cơ sở xem xét vị trí mà bị đơn có trước khi chuyển nhượng cho

nguyên đơn, cũng như nguồn gốc đất trước khi chuyển nhượng so với hiện trạng để xác định khi bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn có đúng như nguyên đơn trình bày theo hiện trạng hay theo diện tích đất GCNQSD đất được cấp, để làm rõ phần diện tích đất nguyên đơn yêu cầu là theo hợp đồng chuyển nhượng hay theo hiện trạng đã giao thực tế.

[2.3]. Theo kết quả lồng ghép thể hiện vị trí diện tích đất mà nguyên đơn khởi kiện 160 m² thuộc thửa đất số 40, 41 tờ bản đồ số 86 của ông C, bà D đã được GCNQSD đất. Vị trí, diện tích đất nguyên đơn đang tranh chấp với bị đơn thực tế nguyên đơn đang quản lý, sử dụng (làm hàng rào B40), nhưng kết quả lồng ghép lại thể hiện nằm trong phần diện tích đất của ông C được cấp GCNQSD đất và theo lời khai của ông C không biết phần diện tích đất các bên đang tranh chấp lại nằm trong thửa đất của gia đình ông và ông C cũng thừa nhận khi nhận chuyển nhượng thửa đất này đã có ranh giới rõ ràng như hiện trạng, không có phần diện tích đất mà nguyên đơn và bị đơn tranh chấp, quá trình giải quyết vụ án ông C không có ý kiến gì chỉ đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, hiện trạng đất thực tế đối với diện tích đất theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn vẫn đang quản lý; đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về lối đi chung thì thực tế bị đơn đang có lối đi nằm tại vị trí giáp ranh với đất của ông C đang quản lý, sử dụng nhưng theo kết quả lồng ghép giữa hiện trạng đất các đương sự đang quản lý, sử dụng so với tờ bản địa chính thì xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp và vị trí lối đi theo hiện trạng đều thuộc thửa đất số 40, 41 tờ bản đồ số 86 của ông C, bà D đã được GCNQSD đất. Trong trường hợp này nếu căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông C mới là người khởi kiện đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2.4]. Mặc dù, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả lồng ghép của cơ quan chuyên môn để ra phán quyết như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, để giải quyết vụ án toàn diện, khách quan cần phải xác minh làm rõ nguồn gốc, hình dạng thửa đất và quá trình sử dụng đất của các đương sự, để xác định rõ hiện trạng sử dụng đất có trước hay tờ bản đồ có trước; hình dạng thửa đất, con đường đi thực tế so với hình dạng thửa đất, con đường theo tờ bản đồ địa chính có khác biệt? Nếu có thì nguyên nhân do đâu?. Trong trường hợp ranh giới, hình dạng thửa đất, con đường các bên sử dụng ổn định, lâu dài, rõ ràng trước thời gian đo đạc xác lập tờ bản đồ địa chính thì cần phải tôn trọng hiện trạng thực tế sử dụng và xác định rõ vị trí, diện tích nguyên đơn nhận chuyển nhượng và lối đi cho bị đơn mới đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự.

[3]. Xét thấy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, HĐXX hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho nguyên đơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Không K và bà Phan Thị Q không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Không K và bà Phan Thị Q 600.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004281 ngày 27/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- UBND huyện Đắk Song;
- Lưu: THCTP, Tòa DS, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Ứng

